

# Sách Giô-ên và Hội Thánh Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy La-ô-đi-xê - Số Mười Bảy

Jeff Pippenger

2025-12-23

## Số mười bảy

Chúng ta đã kết thúc bài viết trước bằng một sự xem xét còn dang dở về các lời tiên tri của Áp-ram và Phao-lô, mà khi ráp “dòng trên dòng” thì cho ra một thời kỳ 430 năm, gồm 30 năm, tiếp theo là 400 năm. Tôi cho rằng đâu đó trong giới thần học vẫn có người xem 30 năm là một giai đoạn đến sau 400 năm, nhưng nói chung thì 30 năm ấy được đặt ở đầu thời kỳ. Vậy là 400 rồi đến 30, hay 30 rồi đến 400? Ấy là ba mươi rồi đến bốn trăm, vì có nhiều chứng cứ khẳng định một giai đoạn ba mươi năm, gắn liền với và được tiếp nối bởi một giai đoạn tiên tri thứ hai.

Theo Sáng-thế Ký 41:46, Giô-sép ba mươi tuổi khi ông bắt đầu phục vụ Pha-ra-ôn. Rồi bắt đầu bảy năm dư dật, tiếp theo là bảy năm đói kém. Giô-sép, như một hình bóng của Đấng Christ, khi ba mươi tuổi thì sau đó có hai thời kỳ 2.520 ngày. Khi Đấng Christ ba mươi tuổi, tiếp theo là hai thời kỳ 1.260 ngày, hợp lại thành 2.520; điều này lại liên hệ với “bảy lần” trên hai vương quốc.

Đa-vít ba mươi tuổi khi ông lên ngôi vua, và ông trị vì bốn mươi năm, như chép trong 2 Sa-mu-ên 5:4. Đa-vít là hình bóng của Đấng Christ; khi Đấng Christ ba mươi tuổi, Ngài chịu báp-tem rồi được đưa vào đồng vắng trong bốn mươi ngày; sau đó, sau sự phục sinh của Ngài—vốn được biểu trưng bởi phép báp-tem—Ngài ở lại và trực tiếp dạy dỗ các môn đồ suốt bốn mươi ngày. Vào thời điểm thập tự giá, sự hủy diệt Giê-ru-sa-lem đã được hoãn lại trong lòng thương xót suốt bốn mươi năm, tương ứng với bốn mươi năm chết chóc trong đồng vắng vào buổi đầu lịch sử giao ước của họ.

Ezekiel đã ba mươi tuổi khi ông được kêu gọi làm tiên tri, theo Ezekiel 1:1. Hiện giờ tôi sẽ không dành thời gian để bàn về giai đoạn tiếp sau năm thứ ba mươi của Ezekiel, nhưng tôi sẽ đưa vào một bản tóm tắt ngắn do AI thực hiện về những dữ kiện đã được ghi nhận liên quan đến thời gian chức vụ của ông kéo dài bao lâu. “Những lời tiên tri của Ezekiel thuộc số những lời được ghi niên đại chính xác nhất trong Cựu Ước, với 13 mốc thời gian cụ thể được nêu xuyên suốt sách. Tất cả đều được tính từ năm lưu đày của Jehoiachin (597 TCN là năm thứ 1), tạo nên một khung niên đại rõ ràng kéo dài khoảng 22 năm.”

Chúa Giê-su đã ba mươi tuổi khi Ngài chịu phép báp-tem, và sau đó Ngài xác nhận giao ước với nhiều người trong một tuần lễ.

Phản Kitô được chi phối theo khuôn mẫu của Chúa Kitô về phương diện tiên tri; và cũng như Chúa Kitô đã có ba mươi năm chuẩn bị để đảm nhận chức vụ Thượng Tế trên trời, thì thời kỳ tiên tri ba mươi năm chuẩn bị được xác định cho Phản Kitô là từ việc bãi bỏ “sự thường nhật” vào năm 508 cho đến năm 538. Khi chế độ giáo hoàng được trao quyền như một thượng tế giả mạo, cũng như Chúa Kitô được xức dầu quyền năng khi chịu phép rửa, thì 1.260 năm thời kỳ tăm tối của chế độ

giáo hoàng sẽ song song với 1.260 ngày ánh sáng tinh tuyền của Chúa Kitô từ phép rửa cho đến thập tự giá, điều này trùng khớp với vết thương chí tử của chế độ giáo hoàng vào năm 1798.

Không một giai đoạn hai phần nào trước đó, vốn bắt đầu bằng một giai đoạn ba mươi năm, có trước bước đầu tiên của Áp-ram trong tiến trình giao ước ba bước của ông. Vì vậy, trường hợp của Áp-ram là điều được nhắc đến đầu tiên, dù điều ấy chỉ có thể như vậy sau khi được lời chứng thứ hai của Phao-lô xác nhận. Khi Phao-lô viết những lời của mình, lời tiên tri 400 năm trở thành lời tiên tri 430 năm, trong đó 30 năm đầu được tách biệt khỏi giai đoạn sau.

Tôi lập luận rằng, dựa trên bản tính của Đấng Christ, được mô tả là Alpha và Omega, trong tiến trình giao ước của một trăm bốn mươi bốn nghìn, những người là Omega đối với lời tiên tri hai phần của Áp-ram và Phao-lô về ba mươi năm, tiếp theo là bốn trăm năm, phải có một đối phần tương ứng trong Omega của lịch sử giao ước, tức là lịch sử việc đóng ấn của một trăm bốn mươi bốn nghìn. Một giai đoạn ba mươi năm, tiếp theo là một giai đoạn riêng biệt khác, phải được ứng nghiệm theo một cách thức không tính theo thời gian, nhưng làm trọn lời tiên tri nền tảng 430 năm của Áp-ram. Sẽ tốt nếu bạn đọc lại phát biểu trước đó, rồi quay lại điểm này và tiếp tục.

Jesus, Joseph, David và Ezekiel đều có ba mươi năm chuẩn bị cho một công việc sẽ tiêu biểu cho dân của Đức Chúa Trời trong những ngày sau rốt. Ezekiel là nhà tiên tri, Joseph tiêu biểu cho Đấng Christ là thầy tế lễ, và David là vua. Có bốn biểu tượng, nhưng một trong các biểu tượng đại diện cho Thượng Tế trên trời có cả đại diện loài người và đại diện thần linh. Bốn nhân chứng ấy đều phù hợp với 30 năm của Abram, tiếp theo là một thời kỳ mang tính tiên tri.

Phản Kitô đã trải qua ba mươi năm chuẩn bị, rồi được ban quyền lực trong 1260 năm cho đến khi nó chịu sự chết thứ nhất vào năm 1798. Nó là biểu tượng của sự chết thứ hai, vì nó sẽ chết lần nữa khi thời kỳ ân điển chấm dứt. Sự chết thứ hai là sự chết đời đời. Chúng ta phục vụ một Đấng Cứu Thế đã sống lại, vì Đấng Christ không chết đời đời; Ngài đã không chịu sự chết thứ hai. Khi vết thương chí tử của chế độ giáo hoàng được chữa lành, Khải Huyền chương mười ba cho biết rằng nó sẽ cai trị trong 42 tháng, điều này tượng trưng cho một thời kỳ tiên tri, không mang yếu tố thời gian.

Khi bà được phục sinh vào thời kỳ luật ngày Chủ nhật, đạo quân chống đối công việc của bà chính là những người đã được phục sinh vào cuối ba ngày rưỡi của Khải Huyền đoạn mười một. Hai quyền lực phục sinh, cả hai đều là kỳ hiệu—một của Sa-bát ngày thứ bảy và một của mặt trời—trở thành điểm tham chiếu cho toàn thế giới, khi nhân loại đưa ra lựa chọn cuối cùng giữa sự sống và sự chết.

Khi luật ngày Chủ nhật được ban hành, Phản Kitô, cũng chính là con thú, sẽ đại diện cho liên minh ba quyền lực: con rồng, chính nó (tức con thú), và tiên tri giả. Ba quyền lực ấy sẽ liên hiệp lại chống lại Hội thánh của Đức Chúa Trời, là hội thánh sẽ được tôn cao hơn hết các núi. Hội thánh đắc thắng của Đức Chúa Trời ở trong sự chuẩn bị “ba mươi năm” — không phải ba mươi năm theo nghĩa đen, mà là một thời kỳ tiên tri đã được thiết lập, có con số ba mươi gắn liền với nó, và vẫn còn hiệu lực như một lời tiên tri sau chỉ thị năm 1844, chỉ thị xác định rằng việc áp dụng thời kỳ tiên tri không còn hợp lệ. Thật dễ thấy rằng “ba mươi năm” ấy tượng trưng cho một thời kỳ chuẩn bị dành cho tiên tri, thầy tế lễ và vua, là những người, với tư cách là Hội thánh đắc thắng, sẽ đại

diện cho vương quốc vinh hiển. Bốn nhân chứng Ê-xê-chi-ên, Đấng Christ, Giô-sép và Đa-vít đại diện cho thẩm quyền của vương quốc Đức Chúa Trời trong cùng một thời kỳ mà chế độ giáo hoàng và liên minh ba quyền lực đang dẫn dắt thế giới đến A-ma-ghe-đôn.

Hội Thánh khai hoàn được tôn cao khi có đạo luật Chủ nhật tại Hoa Kỳ, và theo lời chứng của Cựu và Tân Ước, dân giao ước, là một trăm bốn mươi bốn nghìn người, sẽ trở nên một nước thầy tế lễ.

Anh em cũng vậy, như những viên đá sống, được xây dựng nên một nhà thuộc linh, một chức tế lễ thánh, để dâng những của lễ thuộc linh, nhờ Đức Chúa Giê-xu Christ mà đẹp lòng Đức Chúa Trời. 1 Phi-e-rơ 2:5.

Các thầy tế lễ phải đủ ba mươi tuổi khi bắt đầu phục vụ trong đền thờ, nên có một khoảng thời gian trước luật Chủ nhật khi một chức tư tế được chuẩn bị để được dâng như lễ vầy trái đầu mùa. Những thầy tế lễ, tức một trăm bốn mươi bốn ngàn, được trình bày như những người Lê-vi trong quá trình thanh tẩy do Sứ giả của Giao ước thực hiện. Có một thời kỳ tiên tri dẫn đến luật Chủ nhật, trong đó một quá trình thanh tẩy chuẩn bị một chức vụ được thánh hóa cho thời kỳ mưa rào muộn. Sự chuẩn bị kết thúc tại luật Chủ nhật, nên khoảng thời gian ba mươi năm tượng trưng cho sự chuẩn bị của các thầy tế lễ, tương ứng với độ tuổi được yêu cầu cho một thầy tế lễ. Đấng Christ, với tư cách Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm, bắt đầu chức vụ của Ngài ở tuổi 30; và vì Giô-sép là hình bóng về Đấng Christ, nên ông cũng bắt đầu chức vụ của mình lúc ba mươi tuổi. Đấng Christ giả mạo đã có 30 năm chuẩn bị, vì vậy chúng ta có ba nhân chứng rằng một giai đoạn 30 năm đại diện cho sự chuẩn bị của một chức tư tế.

"Biên cô lớn đang đến gần sẽ loại bỏ những người mà Đức Chúa Trời không đặt đê, và Ngài sẽ có một chức vụ trong sạch, chân chính, được thánh hóa, được chuẩn bị cho mưa cuối mùa."  
Các Sứ Điệp Chọn Lọc, quyển 3, 385.

Bà White dạy rõ ràng rằng hễ khi Hội Thánh tinh sạch thì Thần Linh của Lời Tiên Tri hoạt động. Khi vấn đề trọng đại ấy loại bỏ cỗ lũng, sẽ có một chức vụ được thánh hóa, gồm Giê-su—Đấng vừa Thiêng Liêng vừa nhân loại—và Giô-sép là thầy tế lễ; Giê-su và Ê-xê-chi-ên là tiên tri; Giê-su và Đa-vít là vua. Những người được chuẩn bị qua một giai đoạn được tượng trưng bởi ba mươi năm sẽ ở trong số một trăm bốn mươi bốn nghìn và được biểu trưng là các tiên tri, các thầy tế lễ và các vua. Cả ba nhân vật con người này là những biểu tượng Kinh Thánh về công tác của Đấng Christ với tư cách là tiên tri, thầy tế lễ và vua, vì vậy con số ba mươi cho phép chúng ta suy ra rằng trong mỗi một trong ba hạng mục này—được hình thành bởi các biểu tượng Kinh Thánh về những người đã được chuẩn bị trong ba mươi năm—khi được kết hợp với Đấng Christ thì đại diện cho sự kết hợp giữa Thiên tính và nhân tính. Vì thế, những thầy tế lễ được chuẩn bị trong giai đoạn ba mươi năm mang tính biểu tượng được biểu trưng như kỳ hiệu của Thiên tính kết hợp với nhân tính.

Bốn mươi hai tháng của cuộc tắm máu cuối cùng của Giáo hoàng diễn ra trong khi Đấng Christ bước đi giữa loài người suốt 42 tháng qua những môn đồ của Ngài. Bốn mươi hai tháng dưới ách nô lệ và áp bức kết thúc bằng sự giải cứu, như được biểu trưng bởi 430 năm của lời tiên tri kếp của Áp-ram. Bốn trăm năm của Áp-ram kết thúc tại sự giải cứu ở Biển Đỏ, vốn là một minh họa Kinh Thánh kinh điển về sự khập lại của thời kỳ ân điển, vào cuối 42 tháng mang tính biểu tượng của Giáo hoàng.

Bốn mươi hai tháng tượng trưng cho thời kỳ thử luyện từ luật Chủ nhật tại Hoa Kỳ cho đến khi thời kỳ ân điển cho loài người khép lại. Tuy nhiên, trong 42 tháng ấy, sau một giai đoạn chuẩn bị ba mươi năm, Đấng Christ đang làm vững giao ước nơi dân sót. Tư tế giả mạo của kẻ phản Kitô đi đến chung cuộc, ngay tại chỗ Đấng Christ đã chết trong dòng của Ngài, cũng chính là nơi Pha-ra-ôn, vua Ai Cập, đã chết trong dòng của mình. Tại núi Cạt-mên, các tiên tri của Ba-anh đã bị giết, qua đó xác định sự chết của tiên tri giả tại thời điểm luật Chủ nhật. Ở thời điểm luật Chủ nhật, có một tiên tri giả rồi bị giết; con rồng được Pha-ra-ôn đại diện; và con thú được giáo hoàng quyền đại diện. Tất cả đều được thể hiện tại luật Chủ nhật trong cuộc xung đột với các thầy tế lễ, các vua và các tiên tri của Đức Chúa Trời. Hội thánh được thanh luyện ngay trước luật Chủ nhật, và ân tứ tiên tri được phục hồi—ngay nơi tiên tri giả chết. Từ đó trở đi, cuộc chiến xoay quanh sứ điệp tiên tri chân thật hay giả dối.

Khoảng thời gian tượng trưng 30 năm biểu thị một giai đoạn đi trước Luật ngày Chủ nhật. Giai đoạn ấy là thời kỳ chuẩn bị cho các thầy tế lễ, vì Đấng Christ là gương mẫu của họ trong mọi sự, vì họ là những người theo Chiên Con. Trong 30 năm đầu của lời tiên tri của Áp-ram, giao ước đã được thiết lập, qua đó cho thấy rằng bất cứ điều gì giai đoạn chuẩn bị cho các thầy tế lễ tượng trưng, thì đó là giai đoạn khi Chúa đổi mới giao ước của Ngài với một trăm bốn mươi bốn nghìn, như được minh họa trong lịch sử anpha của Áp-ram. Giai đoạn ấy là thời kỳ chuẩn bị cho các thầy tế lễ, những người bắt đầu phục vụ vào thời điểm Luật ngày Chủ nhật, khi họ ở tuổi ba mươi, khi họ được xức dầu bởi Đức Thánh Linh như Đấng Christ khi Ngài chịu báp-têm. Một lẽ thật khác có thể rút ra từ lịch sử anpha của Áp-ram là: bất cứ giai đoạn nào dẫn đến Luật ngày Chủ nhật tượng trưng cho điều gì, thì nó hẳn phải trọng đại, vì omega luôn mạnh mẽ hơn anpha. Luật ngày Chủ nhật là omega, được biểu trưng qua ngày 22 tháng 10 năm 1844, thập tự giá, Lễ Vượt Qua tại Ai Cập, v.v.

Luật ngày Chủ nhật đánh dấu sự kết thúc của giai đoạn mà thời kỳ ba mươi năm tượng trưng. Nó đã được báo trước bởi hầu như mọi câu chuyện cứu rỗi quan trọng, và nó cũng là sự kết thúc của lịch sử giao ước của một dân tộc được chọn, khởi đầu với Áp-ram. Với sức nặng của những bằng chứng mang tính tiên tri như vậy về sự kết thúc của giai đoạn ấy, và với mục đích nghiêm túc của chính giai đoạn đó, thì điểm khởi đầu sẽ là gì?

Có một thời kỳ tiên tri được biểu thị bằng ba mươi năm mà theo nhiều lời chứng thì kết thúc tại luật ngày Chủ nhật. Ở thời điểm đó có một giai đoạn tiếp theo được biểu thị bằng nhiều giá trị số khác nhau, và mỗi giai đoạn ấy đưa ra một lời chứng về một tuyến lịch sử tiên tri theo sau luật ngày Chủ nhật. Một số giai đoạn trong đó đại diện cho tuyến nội bộ của lịch sử Hội Thánh, và một số khác cho tuyến bên ngoài của thế giới đang tiến tới Armageddon.

Có lẽ lúc này nên nhắc nhau rằng chúng ta bác bỏ việc áp dụng mọi lời tiên tri về thời gian cho thời kỳ sau rốt theo cách gán cho bất kỳ ngày tháng nào có thể xác định, cho đến khi ngày và giờ được công bố vào cuối các tai vạ. Tôi sẽ dùng sách Đa-ni-ên chương mười hai để minh họa quan điểm rằng không còn áp dụng thời gian tiên tri nữa. Trong chương mười hai có ba câu xác định thời gian tiên tri.

Và tôi nghe người mặc vải gai, đứng trên mặt nước sông; người giơ tay phải và tay trái lên trời, và thề bởi Đấng hằng sống đời đời rằng: điều ấy sẽ là một kỳ, hai kỳ, và nửa kỳ; và khi việc làm tan tác quyền lực của dân thánh đã được hoàn tất, thì mọi điều ấy sẽ chấm dứt. Đa-ni-ên 12:7.

Và từ lúc của lễ hằng ngày bị dẹp bỏ, và vật góm ghiếc gây nên sự hoang tàn được dựng lên, sẽ có một nghìn hai trăm chín mươi ngày. Đa-ni-ên 12:11.

Phước thay cho người nào chờ đợi và đạt đến một nghìn ba trăm ba mươi lăm ngày. Đa-ni-ên 12:12.

Những người Millerite đã hiểu đúng về từng câu trong ba câu này. Ba lời tiên tri này là một phần của các lễ thật làm nên nền tảng. Tuy nhiên, sự hiểu biết của người Millerite về các câu này dựa trên việc áp dụng nguyên tắc “một ngày bằng một năm”. Vì “thời gian không còn nữa”, các câu này phải có một ứng dụng khác, bởi tất cả các lời tiên tri đều nói về thời kỳ mưa muông. Các câu này phải có một cách hiểu trong thời kỳ mưa muông mà không sử dụng yếu tố thời gian để tạo nên một sứ điệp, và cũng không mâu thuẫn với sự hiểu biết Millerite về các câu ấy. Quan điểm Millerite đúng đắn về câu ở giữa trong ba câu (câu mười một) là: nó tượng trưng cho một thời kỳ hai phần, bắt đầu với một thời kỳ ba mươi năm, tiếp theo là 1260 năm. Câu mười một xác định thời kỳ ba mươi năm đi trước luật ngày Chủ nhật, được biểu trưng bằng việc thiết lập sự góm ghiếc gây hoang tàn.

Đa-ni-ên chương mười hai là phần trong Lời Đức Chúa Trời trình bày tiến trình tinh luyện dân Ngài, diễn ra trong những ngày sau rốt, vào thời kỳ cuối cùng, khi một lời tiên tri trong sách Đa-ni-ên được mở ấn. Ở câu mười một, chúng ta thấy một lời tiên tri mà các bậc tiên phong đã hiểu đúng là một giai đoạn 30 năm dẫn vào giai đoạn 1.260 năm. Trong chương mười hai, ba lời tiên tri ở các câu bảy, mười một và mười hai đều bị đóng ấn cho đến thời kỳ cuối cùng. Đến thời kỳ cuối cùng, ba lời tiên tri ấy phải được mở ấn, vì Lời Đức Chúa Trời chẳng hề sai trật. Ngay trong chính chương ấy, sự trình bày rõ ràng nhất trong Kinh Thánh về việc kết thúc thời kỳ ân điển của loài người được nêu ra, vì thế chương mười hai hẳn nhiên, và còn một cách cụ thể hơn, nói về sự kết thúc của Phong trào Phục Lâm hơn là sự khởi đầu của nó.

Ba lời tiên tri trong Đa-ni-ên chương mười hai đã được đóng ấn ngay trong chính đoạn Kinh Thánh nơi việc đóng ấn và mở ấn nhận được định nghĩa tiên tri chủ yếu của nó. Ba lời tiên tri ấy được mở ấn trong lịch sử của một trăm bốn mươi bốn nghìn người, vì Alpha và Omega luôn minh họa sự kết thúc của một sự việc bằng chính sự khởi đầu của nó. Điều được mở ấn trong ba thời kỳ tiên tri của chương mười hai đại diện cho sự mở ấn cuối cùng của Lời tiên tri của Đức Chúa Trời. Sự mở ấn đó được trình bày trong Khải Huyền chương một, khi Sự mặc khải của Đức Chúa Giê-su Christ được mở ấn, ngay trước khi cánh cửa ân điển đóng lại. Câu mười một của Đa-ni-ên chương mười hai tương ứng với sự trình bày đầu tiên của Áp-ram và Phao-lô về một lời tiên tri hai phần khởi đầu bằng một giai đoạn ba mươi năm.

Ba lời tiên tri trong Đa-ni-ên đoạn mười hai là những thời kỳ tượng trưng được mở ấn vào cuối thời kỳ cuối cùng, và việc mở ấn ấy dẫn đến sự thanh tẩy cuối cùng của dân Đức Chúa Trời. Lời tiên tri thứ nhất trong ba lời ấy do chính Đấng Christ ban ra, và khi Ngài công bố lời tiên tri, Ngài

đứng trên mặt nước, mặc áo vải lanh, xác định điểm kết thúc của một thời kỳ tiên tri được biểu thị là 1.260 năm, và định nghĩa sự kết thúc của thời kỳ ấy là sự chấm dứt sự tan lạc quyền lực của dân Đức Chúa Trời. Dân của Đức Chúa Trời trong những ngày sau rốt là một trăm bốn mươi bốn nghìn người, và họ đã bị tản lạc.

Không chỉ có Đấng Christ đứng trên mặt nước để trả lời một câu hỏi, mà câu hỏi ấy còn bắt đầu bằng cụm từ "Bao lâu?". "Bao lâu?" là một biểu tượng tiên tri, và cũng là câu người ta hỏi Chúa Giê-su khi, trong sách Đa-ni-ên đoạn tám, câu mười ba, người ta hỏi: "Bao lâu?"

Và một người nói với người mặc áo vải gai, đang ở trên mặt nước sông: "Còn bao lâu nữa thì đến lúc chấm dứt những điều kỳ diệu này?"

Và tôi nghe người mặc áo vải lanh, đang ở trên mặt nước của con sông, khi người ấy giơ tay phải và tay trái lên trời, và thề bởi Đấng hằng sống đòi đòi rằng điều ấy sẽ là một thời, các thời, và nửa thời; và khi người ấy hoàn tất việc làm tan tác quyền lực của dân thánh, thì mọi điều này sẽ chấm dứt. Đa-ni-ên 12:6, 7.

Câu hỏi được đặt ra cho Chúa Giê-su, được mô tả như người mặc vải lanh, trong Khải tượng tại sông Hiddekel, là: "Bao lâu nữa thì các sự lạ này sẽ chấm dứt?", và trong Khải tượng tại sông Ulai, Chúa Giê-su, được mô tả như Palmoni (vị thánh ấy), được hỏi: "Khải tượng về của lễ hằng ngày và sự vi phạm gây nên sự hoang tàn — để phó cả nơi thánh lẫn đạo binh cho người ta giày đạp — sẽ còn bao lâu?"

Bà White nói rằng các Khải tượng được ban cho Đa-ni-ên bên bờ các con sông lớn của Si-na hiện đang trong quá trình ứng nghiệm, và liên quan đến cả hai Khải tượng về sông, Chúa Giê-su được hỏi "câu hỏi" tiên tri, mà luôn đưa đến luật ngày Chủ nhật như là "câu trả lời." Tuy nhiên, cả hai câu trả lời đều được trình bày trong bối cảnh thời kỳ tiên tri, vốn đã chấm dứt vào năm 1844. Các nhà tiên phong đã xác định đúng câu trả lời cho câu hỏi của chương tám và Khải tượng về sông U-lai, và họ hiểu rằng năm 1798 là khi sự tan tác quyền lực của dân Đức Chúa Trời chấm dứt. Nhưng sau năm 1844, khi "áp dụng thời gian" của Lời tiên tri của Đức Chúa Trời chấm dứt, câu hỏi tiên tri "Bao lâu nữa?" được diễn đạt lại theo sự hiểu biết của các nhà tiên phong rằng "cho đến 2.300 ngày, bảy giờ đèn thánh sẽ được thanh sạch vào thời điểm luật ngày Chủ nhật sắp đến," và "mọi" "điều kỳ diệu" trong Khải tượng cuối cùng của Đa-ni-ên sẽ được hoàn tất, khi sự tan tác của dân thánh trong ba ngày rưỡi mang tính biểu tượng chấm dứt.

Bà White cho rằng sông Hiddekel trong Khải tượng ở ba chương cuối của Daniel và sông Ulai trong Khải tượng ở các chương bảy đến chín là "những con sông lớn của Shinar." Tất cả các học giả lịch sử và Kinh Thánh đều xác định rằng chỉ có hai con sông gắn liền với Shinar, và cả hai đều là những con sông lớn. Hai con sông ấy là Tigris (Hiddekel) và Euphrates. Sông Ulai không phải là sông Euphrates của Shinar; đó là một con kênh đào nhỏ ở Ba Tư, chứ không phải ở Shinar. Sông Ulai trong Khải tượng vốn chứa đựng nền tảng và trụ cột trung tâm của Phong trào Cơ Đốc Phục Lâm không nằm ở Shinar; tuy vậy, nữ tiên tri lại xem Ulai là Euphrates, một trong những con sông lớn của Shinar.

Khải tượng Hiddekel trình bày lịch sử bên ngoài của con rồng, con thú và tiên tri giả dẫn dắt thế giới đến Armageddon, còn Khải tượng Ulai tượng trưng cho công việc của Đấng Christ trong việc kết hợp Thần tính của Ngài với nhân tính của con người. Theo lời mặc khải tiên tri, sông Ulai được dùng như một nhân chứng thứ hai, cùng với sông Euphrates, để xác định công việc do Đấng Christ thực hiện khi kết hợp Thần tính của Ngài với nhân tính.

Sông Euphrates và sông Tigris đều bắt nguồn từ Ê-đen và chảy xuyên suốt chiều dài của lịch sử giao ước. Khi chúng đổ vào trụ cột trung tâm của Phục Lâm giáo vào ngày 22 tháng 10 năm 1844, sông Euphrates được kết hợp với kênh đào Ulai do con người làm ra để tượng trưng cho sự kết hợp giữa Thần tính và nhân tính, điều được thực hiện bởi sự thực hành đức tin nơi những người được biểu trưng là một trăm bốn mươi bốn nghìn. Ulai đại diện cho một phép thử đối với thẩm quyền của Lời tiên tri của Đức Chúa Trời, vì nó đặt thẩm quyền của Ellen White — người xác định sông Ulai của Ba Tư là một trong những con sông lớn của Shinar — đối nghịch với giới học giả thế giới.

Biểu tượng của sông Ulai đại diện cho một phép thử về lời của con người hay Lời của Đức Chúa Trời. Con người đúng, hay những lời do Bà White trình bày mới đúng? Sông Ulai đại diện cho một con sông duy nhất ở Ba Tư, hay nó đại diện cho một dòng sông mang tính tiên tri gồm những dòng nước từ Ê-đen hoà lẫn với nước của loài người?

Có thể có nhiều phương án cho tình thế tiến thoái lưỡng nan mà tôi nêu ra, nhưng tôi sẽ trình bày vài suy nghĩ để bạn thấy quan điểm của tôi. Có phải các sử gia và thần học gia thế tục đúng, còn Bà White thì sai? Không ai tranh cãi rằng “những con sông lớn của Shinar” là Tigris và Euphrates. Vậy thì khi Bà White xác định sông Ulai ở Ba Tư là một con sông lớn của Shinar, bà ấy có phải là một tiên tri giả không? Hay bà là một tiên tri thật, nhưng đã mắc sai lầm? Một tiên tri thật có thể mắc bao nhiêu lỗi trước khi vượt qua ranh giới và trở thành tiên tri giả? Hay các sử gia sai? Hay thực ra bà ấy đúng? Hay cả các sử gia lẫn Bà White đều đúng? Tôi nêu ra thế tiến thoái lưỡng nan này với mục đích dùng lời giải thích về nó như một điểm bổ sung liên quan đến người mặc áo vải gai, đứng trên sông, người được hỏi, “Đến bao giờ?” trong cả hai Khải tượng về sông Hiddekel và sông Ulai.

Trong chương tám sách Đa-ni-ên, Đa-ni-ên đang ở Susa, thuộc Ba Tư, và Susa nằm bên sông Ulai; do nhu cầu của ngành nông nghiệp, Ulai bao gồm cả dòng sông tự nhiên lẫn một loạt các kênh dẫn nước nhân tạo. Khi chảy xuống hạ lưu thêm khoảng một trăm năm mươi dặm, Ulai nối với điểm hợp lưu của sông Tigris và sông Euphrates. Hai sông Tigris và Euphrates bắt nguồn từ Ê-đen cuối cùng hợp lại; và khi chúng nhập làm một, sông Ulai từ Ba Tư cũng gặp tại cùng điểm ấy. Khi sông Ulai gặp hệ thống đầm lầy của sông Tigris tại nơi hợp lưu của Tigris và Euphrates, Ulai trở thành một phần lượng nước tạo nên các con sông lớn của Shinar. Các sử gia nói đúng, và Bà White cũng vậy.

Khi Bà White xác định Khải tượng về sông Ulai trong chương tám, bà đang nói đến một con sông nổi tiếng với hệ thống kênh dẫn nước nhân tạo nối liền hai sông Tigris và Euphrates, vốn tượng trưng cho hai thời kỳ, mỗi thời kỳ 2520 năm, kết thúc vào các năm 1798 và 1844.

Một tên gọi cổ xưa của sông Tigris là Hiddekel, và liên quan đến sông Euphrates, cả hai con sông đã được xác định một cách cụ thể trong lời tiên tri là gắn liền với Assyria và Babylon, vốn cũng

được nhận diện như hai con sư tử dùng để sửa phạt bày chiên của Đức Chúa Trời. Hai quyền lực gây hoang tàn ấy tiền trưng cho hai quyền lực gây hoang tàn của La Mã ngoại giáo và La Mã giáo hoàng, là những biểu tượng của một người nam và một người nữ, hay của giáo hội và nhà nước. La Mã ngoại giáo là người nam, đại diện cho quyền lực nhà nước, còn La Mã giáo hoàng là người nữ ô uế của giáo quyền. Trong mối liên hệ tiên tri của họ, Assyria là người nam và Babylon là người nữ, qua đó xác định sông Tigris là người nam và sông Euphrates là người nữ.

Sông Tigris là con sông của quyền lực nhà nước kéo dài đến năm 1798, và sông Euphrates của quyền lực giáo hội kéo dài đến năm 1844. Sông Euphrates phải vuron tới năm 1844, vì sứ điệp của năm 1844 là về Babylon (tức Euphrates), vốn lại sụp đổ vào năm 1844. Khi Euphrates tạo ra một thác nước vào năm 1844, sông Ulai, vốn cũng đã nhập vào hợp lưu như một biểu tượng cho công việc của loài người, đã hòa cùng nước của con sông kia. Con sông của quyền lực nhà nước đã bị đắp đập chặn lại vào năm 1798, khi quyền lực dân sự bị tước khỏi quyền lực giáo hoàng. Trong chính năm đó, Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ bắt đầu trị vì như con thú từ đất và là vương quốc thứ sáu trong lời tiên tri Kinh Thánh. Sông Tigris bị đắp đập chặn lại vào năm 1798, chính tại nơi mà rốt cuộc nhà nước sẽ buộc cả thế giới phá vỡ con đập, vốn hiện đang ngăn giữ các trận lũ bách hại của giáo hoàng sắp tràn qua thế giới như một con hồng thủy áp đảo. Bức tường, hay con đập ấy, là bức tường phân cách giữa giáo hội và nhà nước.

Năm 1844, cả sông Euphrates và sông Ulai đều xác định sứ điệp năm 1844 là sự sụp đổ của Ba-by-lôn, đồng thời cũng là chính công việc mà Đấng Christ khởi sự vào năm 1844, khi, với tư cách là Sứ giả của Giao Ước, Ngài đã tẩy sạch khỏi một dân những dòng nước của Ba-by-lôn và các công việc loài người—một dân sẽ bước vào đền thánh của Ngài, một dân cần được thanh tẩy trước khi vào Nơi Chí Thánh. Sự thanh tẩy cuối cùng của dân ấy được hoàn tất bởi cơn mưa tuôn đổ dưới sứ điệp của Tiếng Kêu Nửa Đêm, và những giọt mưa của sứ điệp Tiếng Kêu Nửa Đêm ấy được chung cất từ các dòng nước của sông Tigris, khi những người theo Miller nhận diện La Mã giáo hoàng và năm 1798, và khi họ nhận diện sự sụp đổ của Ba-by-lôn, và được thanh tẩy trước khi của đóng nhờ sứ điệp—hay có thể nói, được thanh tẩy bởi cơn mưa đến từ những dòng nước đã được chung cất của các sông Ulai, Tigris và Euphrates—khi họ trình bày sứ điệp của Đa-ni-ên 8:14, và ứng nghiệm sứ điệp của Tiếng Kêu Nửa Đêm trước khi Ngày Chuộc Tội phản tượng được mở ra.

Khi Đấng Christ đứng trên mặt nước của Hiddekel trong câu bảy của chương mười hai sách Daniel, Ngài đang đứng trên nước sông Tigris, những dòng nước của thuật trị quốc trong khái tượng phác họa những diễn biến cuối cùng của thuật trị quốc loài người, dẫn đến sự kết thúc thời kỳ ân điển. Ngài đứng đó để trả lời câu hỏi của câu trước, cũng như trong khái tượng về sông Ulai, người mặc áo vải gai, tức Palmoni, Đấng Đếm Kỳ Diệu, đưa ra một câu trả lời cho câu hỏi của câu trước. Trong cả hai trường hợp, cuộc đối thoại là cuộc đối thoại thiên giới giữa các thiên sứ và Đấng Christ, và trong cả hai trường hợp, câu hỏi là "Bao lâu nữa?"

Câu trả lời là "cho đến 2.300 ngày"; trong chương tám và chương mười hai, đó là "một thời, các thời, và nửa thời." Câu trả lời được hiểu là 2.300 năm và 1.260 năm, nhưng vào năm 1844 Đức Chúa Trời đã đặt một lệnh cấm đối với việc áp dụng thời gian trong sứ điệp tiên tri, vì thời gian không còn nữa. Câu trả lời của Palmoni, người mặc áo vải gai, dành cho thế hệ cuối cùng của Ngài

là gì? Câu hỏi “Bao lâu?” đã được nhiều nhân chứng cho thấy rằng luật Chủ nhật chính là câu trả lời cho câu hỏi ấy; vậy đền thánh có được thanh tẩy tại thời điểm luật Chủ nhật không, và “tất cả những sự lạ này” có được hoàn tất tại thời điểm luật Chủ nhật không? Những “sự lạ” nào được hoàn tất tại luật Chủ nhật, và những “sự lạ” đó bắt đầu khi nào?

Bấy giờ tôi, Daniel, nhìn xem, và kìa, có hai người khác đứng đó: một người ở bên bờ sông này, còn người kia ở bên bờ sông kia. Một người nói với người mặc áo vải lanh, đang đứng trên mặt nước sông: “Còn bao lâu nữa thì những điều kỳ diệu này mới kết thúc?”

Và tôi nghe người mặc vải gai mịn, đang ở trên mặt nước của sông, khi ông giơ tay phải và tay trái lên trời và thề bởi Đấng hằng sống đời đời rằng sẽ là một thời, các thời, và nửa thời; và khi ông hoàn tất việc làm tan tác quyền lực của dân thánh, thì mọi điều này sẽ chấm dứt. Đa-ni-ên 12:5-7.

Câu hỏi tương trưng "Bao lâu?" đánh dấu luật Chủ nhật, và thiên sứ không hỏi khi nào xảy ra luật Chủ nhật, mà hỏi khi nào là sự kết thúc của các "sự lạ". Các "sự lạ" kết thúc tại luật Chủ nhật, vậy các sự lạ nào dẫn đến luật Chủ nhật? Hoặc cụ thể hơn, các "sự lạ" được thể hiện trong Khải tượng ban tại Hiddekel, được nêu trong các chương mười đến mười hai, là gì? Nếu chúng ta xác định được các "sự lạ" là gì, chúng ta có thể tìm ra khi nào các "sự lạ" bắt đầu. Trong Daniel chương mười, Gabriel nêu rõ mục đích của mình trong sự tương tác với Daniel trong lúc Khải tượng.

Bây giờ ta đến để làm cho người hiểu điều gì sẽ xảy đến cho dân người trong những ngày sau rốt: vì Khải tượng ấy còn thuộc về nhiều ngày nữa. Daniel 10:14.

Gabriel đến để khiến dân của Đức Chúa Trời hiểu điều gì sẽ xảy đến với họ trong những ngày sau rốt. Cho rằng các lời tiên tri trong Daniel chương mười hai đã được những người theo Miller hiểu đúng, nhưng dùng sự thừa nhận đó để phủ nhận việc áp dụng chương này cho những ngày sau rốt — là làm vô hiệu mục đích đã được Gabriel tuyên bố. Khi Gabriel bắt đầu trình thuật tiên tri ở câu một của chương mười một xuyên suốt đến câu ba của chương mười hai, lịch sử được trình bày là những chi tiết tiên tri bên ngoài về cách con rồng, con thú và tiên tri giả dẫn dắt thế giới đến Armageddon. Có những đoạn trong chương mô tả dân của Đức Chúa Trời bị bắt bớ, nhưng lịch sử của chương mười một chủ yếu là một sự mặc Khải bên ngoài. Điều này có nghĩa chương mười và chương mười hai đại diện cho một alpha và một omega trong Khải tượng cuối cùng của Daniel, vì khác với chương mười một, cả hai đều mô tả một sứ điệp nội tại xác định việc đóng ấn của một trăm bốn mươi bốn nghìn. Chương ở giữa là sự phản nghịch của loài người như được đại diện bởi vua phương bắc, giáo hoàng La Mã, và chương alpha là chương mười, cùng với chương omega là chương mười hai, xác định trải nghiệm nội tại của một trăm bốn mươi bốn nghìn trong những ngày sau rốt. Cả ba chương đều dẫn đến sự kết thúc thời kỳ ân điển; chương alpha bắt đầu với sự kính sợ Đức Chúa Trời phân biệt hai hạng người thờ phượng, và đến cuối chương Daniel được ban quyền năng gấp đôi, qua đó xác định sứ điệp của thiên sứ thứ nhất và thứ hai. Chương mười hai là chương omega và nó xác định sứ điệp phán xét của thiên sứ thứ ba.

Chương mười một trình bày chi tiết sự phản loạn của nhân loại, từ sự tàn phá Giê-ru-sa-lem cho đến sự đóng cửa ân điển, mà theo Bà White là một minh họa cho việc đóng cửa ân điển vào thời kỳ cuối cùng của thế giới. Đa-ni-ên chương mười một bắt đầu từ sự tàn phá Giê-ru-sa-lem, vì

Đa-ni-ên là một trong những người bị đưa sang Ba-by-lôn trong ba đợt tàn phá Giê-ru-sa-lem, những đợt ấy tiêu biểu cho sự tàn phá của chính thành này vào năm 70 SCN, và rồi một lần nữa trong những ngày sau rốt, như được tượng trưng bởi thể gian.

Hai lần Giê-ru-sa-lem bị hủy diệt thực sự đã xảy ra vào cùng một ngày trong năm, cách nhau sáu trăm sáu mươi lăm năm. Hai lần hủy diệt đó đều giáng trên thành nơi lễ ra Hòm Giao Ước phải hiện diện. Si-lô có cùng các đặc điểm tiên tri và đại diện cho lần hủy diệt đầu tiên của một thành, nơi Đức Chúa Trời hiện diện, hoặc lễ ra phải hiện diện. Khi Bà White dùng sự hủy diệt Giê-ru-sa-lem làm biểu tượng cho sự hủy diệt trong những ngày sau rốt, bà đang bình luận về bài giảng của Đấng Christ liên quan đến sự hủy diệt Giê-ru-sa-lem.

Shilo, cùng với sự hủy diệt Giê-ru-sa-lem dưới thời Nebuchadnezzar và dưới thời Titus, là ba chứng nhân của thời kỳ sau rốt, được thể hiện qua sự hủy diệt thành của Đức Chúa Trời. Shilo là sứ điệp của thiên sứ thứ nhất, dạy phải kính sợ Đức Chúa Trời (điều Eli đã không làm) và tôn vinh Ngài (điều Eli đã không làm), vì giờ phán xét của Ngài đã đến. Sứ điệp của thiên sứ thứ hai là nơi chúng ta thấy sự nhân đôi, được thể hiện qua Nebuchadnezzar và Titus. Sự hủy diệt Giê-ru-sa-lem lần thứ ba, trong thời kỳ sau rốt, là vào lúc kết thúc thời kỳ thử thách, tức là kết thúc phán xét.

Chương mười một là lịch sử bên ngoài của các sứ điệp của ba thiên sứ. Nó nằm xen giữa khái tượng về sự phân rẽ của chương mười và ba lần chạm ban quyền năng diễn ra vào ngày thứ hai mươi hai trong khái tượng của Đa-ni-ên. Điều này có nghĩa là chương mười hai cũng sẽ nói về câu chuyện nội tại về những gì xảy đến với dân của Đức Chúa Trời trong những ngày sau rốt. Điều đó cũng có nghĩa là ánh sáng trong chương mười hai rực rỡ gấp hai mươi hai lần ánh sáng trong chương mười.

Trong khái tượng tại sông Ulai, Đấng Christ cũng được hỏi: “Bao lâu nữa?” Mười hai câu trước đó, dẫn tới câu hỏi ở câu mười ba, đang xác định lịch sử tiên tri bên ngoài, trình bày những chi tiết quan trọng về các quyền lực trong lời tiên tri Kinh Thánh. Mười hai câu ấy chỉ lặp lại và mở rộng lịch sử đã được trình bày trong chương bảy. Lịch sử tiên tri được nêu trong các câu ấy được lặp lại và mở rộng ở chương mười một, bắt đầu từ thời người Mê-đi và Ba Tư. Nửa sau của chương tám và toàn bộ chương chín là sự trình bày về dân sự ngày sau rốt của Đức Chúa Trời qua nhà tiên tri Daniel. Khái tượng về lịch sử tiên tri được tìm thấy trong ba chương nói về sông Ulai, cùng với sự trình bày về dân sự của Đức Chúa Trời trong các chương ấy qua sự tương tác giữa Daniel và Gabriel, chính là từ Alpha đến Ômêga của các chương mười đến mười hai.

Bởi vì Hiddekel là omega và Ulai là alpha, quyền năng được biểu trưng bởi ánh sáng được mở án trong đoạn mười hai, khi thời kỳ cuối cùng đến, sáng gấp hai mươi hai lần khái tượng vốn là trụ cột trung tâm và nền tảng của phong trào Cơ Đốc Phục Lâm. Như vậy, ánh sáng của khái tượng cuối cùng của Đa-ni-ên được xác định trực tiếp là ánh sáng gắn liền với dân Đức Chúa Trời trong những ngày sau rốt. Khi thiên sứ hỏi người mặc vải gai: “Bao lâu nữa?” cho đến lúc kết thúc những điều kỳ diệu này, thì những điều kỳ diệu ấy chính là những người chiếu sáng như các vì sao đời đời mãi mãi, như lịch sử giao ước của Áp-ram vang vọng mệnh lệnh bảo Áp-ram ngược nhìn các vì sao. Những điều kỳ diệu trong Đa-ni-ên đoạn mười hai là sự biến đổi con người trở nên tiêu kỳ của một trăm bốn mươi bốn ngàn.

Trước đó, chúng ta đã xác định rằng câu mười một của Đa-ni-ên chương mười hai nêu ra một thời kỳ tiên tri gồm hai giai đoạn, trong đó giai đoạn thứ nhất là ba mươi năm. Để đặt trọng tâm đúng mức vào câu mười một, tôi đã chuyển sang câu bảy, nhằm cho thấy sự can dự trực tiếp của Đấng Christ vào những việc lạ lùng Ngài thực hiện giữa dân sự Ngài trong những ngày sau rốt.

Khi trở lại câu mười một, tôi muốn nhắc bạn rằng chương mười hai được Ga-bri-ên gọi thẳng là "những ngày sau rốt". Trong những ngày của một trăm bốn mươi bốn nghìn, những ngày họ được niêm ấn và bước vào giao ước với Đức Chúa Trời; theo sách Đa-ni-ên, sẽ có một sứ điệp được mở ấn và sẽ dâng lên thành một tiếng kêu lớn. Sứ điệp ấy được trình bày trong chương mười hai bằng ba giai đoạn tiên tri riêng biệt, đã được những người theo phái Miller xác định, và về sau được Thần Linh của Lời Tiên Tri xác nhận. Ba giai đoạn ấy không đại diện cho thời gian, vì chính thiên sứ đó—đấng giơ cả hai tay lên trời trong chương mười hai—đã giơ một tay lên trời trong Khải Huyền mười và thề rằng sẽ không còn thì giờ nữa. Tuyên bố ấy vào năm 1844 có nghĩa là ba giai đoạn tiên tri trong Đa-ni-ên chương mười hai là các giai đoạn tượng trưng, không nhằm biểu thị thời gian.

Vì vậy, khi thời kỳ tiên tri biểu tượng ở giữa trong Đa-ni-ên đoạn mười hai là một giai đoạn kép bắt đầu với ba mươi năm ngay trong chính chương nơi Mi-ca-ên đứng dậy, thì bạn biết rằng giai đoạn kép bắt đầu với ba mươi năm ấy là sự ứng nghiệm trọn vẹn của lời tiên tri alpha của Áp-ram. Phần omega của lời tiên tri về thời kỳ, vốn khởi đầu lịch sử giao ước về một dân được chọn, đạt đến sự ứng nghiệm trọn vẹn trong cùng chương ấy, là cao điểm của lời chứng của Đa-ni-ên về những gì sẽ xảy đến cho dân Đức Chúa Trời trong những ngày sau rốt.

Vào thời kỳ cuối cùng, sách Đa-ni-ên được mở ấn và ánh sáng đó đóng ấn cho dân của Đức Chúa Trời. Vào thời kỳ cuối cùng, sách Đa-ni-ên được mở ấn, và ánh sáng ấy được biểu trưng bởi ba thời kỳ tiên tri trong chương cuối cùng của sách Đa-ni-ên. Chương ấy là omega của ba chương cấu thành Khải tượng Hiddekel, và Khải tượng Hiddekel là omega đối với ba chương đại diện cho alpha của các Khải tượng về sông của Đa-ni-ên. Những dòng sông khởi đầu từ Ê-đen cuối cùng kết thúc nơi Đa-ni-ên, và rồi Lời tiên tri của Đức Chúa Trời đã đưa chúng đến phong trào Millerite của thiên sứ thứ nhất và thứ hai, tức phong trào alpha trong hai phong trào của ba thiên sứ. 1290 năm của câu mười một là omega đối với lời tiên tri 430 năm của Áp-ram và Phao-lô.

Trước khi tiếp tục trong Đa-ni-ên 12 và mối liên hệ của nó với lời tiên tri của Áp-ram, thật tốt khi nhớ lại Phao-lô là ai. Phao-lô không chỉ là sứ đồ cho dân ngoại, mà quan trọng không kém, ông trình bày sứ điệp của mình qua Lời tiên tri của Đức Chúa Trời. Quan trọng hơn nữa, Phao-lô là một nhà tiên tri về các thời kỳ. Một nhà tiên tri về các thời kỳ là người được dấy lên để hướng dẫn dân Đức Chúa Trời từ thời kỳ này sang thời kỳ khác, như Mô-i-se: từ thờ phượng tại bàn thờ sang thờ phượng tại đền thánh; và Giăng Báp-tít: từ đền thánh dưới đất sang Đền thánh trên trời. Phao-lô đã ghi chép nhiều thông tin và các nguyên tắc về việc áp dụng từ nghĩa đen sang nghĩa thuộc linh nhiều hơn tất cả các tác giả Kinh Thánh khác cộng lại, vượt xa! Ông được dấy lên để giải thích sự chuyển tiếp từ nghĩa đen sang thuộc linh trong bối cảnh dân giao ước của Đức Chúa Trời.

Phao-lô là mắt xích nối kết các lời hứa giao ước dành cho dân được chọn của Áp-ra-ham, trong thời điểm dân ấy chuyển từ nghĩa theo xác thịt sang nghĩa thuộc linh. Nếu bạn chưa xác quyết được

vai trò của Phao-lô trong lịch sử giao ước, thì có lẽ bạn sẽ không nhận ra sự sắp đặt rất hợp ý Đức Chúa Trời rằng lời tiên tri về thời gian đầu tiên liên quan đến dân giao ước của Đức Chúa Trời là một lời tiên tri thời gian hai phần, bắt đầu bằng một giai đoạn 30 năm. Một lời tiên tri được thiết lập bởi chính tổ phụ của dân được chọn, và khi họ chuyển sang dân được chọn thuộc linh, một tiên tri của thời kỳ đã được đẩy lên để nhận diện và giải thích sự chuyển đổi ấy, đồng thời xác nhận lời tiên tri về thời gian của Áp-ram bằng một nhân chứng thứ hai từ Tân Ước, ăn khớp với nhân chứng thứ nhất từ Cựu Ước. Áp-ram lúc khởi đầu, rồi Phao-lô ở phần kết, tiêu biểu cho ý nghĩa của kỳ hạn 1290 trong những ngày sau rốt.

Chúng ta sẽ tiếp tục trong bài viết tiếp theo.

Khải tượng của Xa-cha-ri về Giô-suê và Thiên sứ có tác dụng đặc biệt mạnh mẽ đối với kinh nghiệm của dân Đức Chúa Trời trong những cảnh cuối cùng của ngày lễ chuộc tội trọng đại. Hội thánh còn sót lại khi ấy sẽ bị dẫn vào sự thử thách và hoạn nạn lớn. Những người giữ các điều răn của Đức Chúa Trời và đức tin nơi Chúa Giê-su sẽ chịu cơn thịnh nộ của cơn rông và các đạo binh của nó. Sa-tan xem cả thế gian là thần dân của nó; nó đã chiếm quyền kiểm soát ngay cả đối với nhiều người tự xưng là Cơ Đốc nhân. Nhưng có một nhóm nhỏ đang chống lại quyền tối thượng của nó. Nếu nó có thể xóa họ khỏi mặt đất, chiến thắng của nó sẽ hoàn toàn. Như nó đã xúi giục các dân ngoại tiêu diệt Y-sơ-ra-ên, thì trong tương lai gần nó cũng sẽ khuấy động các thế lực gian ác trên đất để tiêu diệt dân của Đức Chúa Trời. Người ta sẽ bị buộc phải vâng phục những sắc lệnh của loài người trái với luật pháp của Đức Chúa Trời.

Những ai trung tín với Đức Chúa Trời sẽ bị đe dọa, bị lên án, bị đặt ra ngoài vòng pháp luật. Họ sẽ bị 'cả cha mẹ, anh em, bà con và bạn hữu phản bội,' thậm chí cho đến chết. Lu-ca 21:16. Niềm hy vọng duy nhất của họ là nơi lòng thương xót của Đức Chúa Trời; sự bảo vệ duy nhất của họ sẽ là cầu nguyện. Như Giô-suê đã nài xin trước mặt Thiên Sứ, thì Hội thánh còn sót lại, với tấm lòng tan vỡ và đức tin không nao núng, sẽ nài xin sự tha thứ và sự giải cứu qua Đức Chúa Giê-xu, Đấng Biện Hộ của họ. Họ hoàn toàn ý thức về tính tội lỗi trong đời sống mình, họ thấy sự yếu đuối và không xứng đáng của mình; và họ sẵn sàng rơi vào tuyệt vọng.

Kẻ căm dỗ đứng bên đê cáo buộc họ, như hấn đã đứng bên đê đối nghịch Giô-suê. Hấn chỉ ra áo quần nhơ bẩn của họ, những phẩm chất khiếm khuyết của họ. Hấn phơi bày sự yếu đuối và đại dột của họ, những tội vô ơn, sự không giống Đấng Christ của họ, những điều đã làm ô danh Đấng Cứu Chuộc của họ. Hấn tìm cách làm họ khiếp sợ bằng ý nghĩ rằng trường hợp của họ là vô vọng, rằng vết nhơ ô uế của họ sẽ chẳng bao giờ được rửa sạch. Hấn hy vọng nhờ đó hủy hoại đức tin của họ để họ sẽ khuất phục trước những cám dỗ của hấn và từ bỏ lòng trung thành với Đức Chúa Trời.

Sa-tan biết rõ những tội lỗi mà hấn đã cám dỗ dân của Đức Chúa Trời phạm, và hấn đưa ra những cáo buộc chống lại họ, tuyên bố rằng bởi các tội lỗi ấy họ đã đánh mất sự bảo vệ của Đức Chúa Trời, và quả quyết rằng hấn có quyền tiêu diệt họ. Hấn tuyên bố họ cũng đáng bị loại khỏi ân huệ của Đức Chúa Trời như chính hấn. 'Đây có phải,' hấn nói, 'là những người sẽ thay chỗ ta trên thiên đàng, và chỗ của các thiên sứ đã hiệp cùng ta chăng? Họ xưng là vâng phục luật pháp của Đức Chúa Trời; nhưng họ đã giữ các điều răn của luật ấy chưa? Há chẳng phải họ yêu mình hơn yêu Đức Chúa Trời sao? Há chẳng phải họ đã đặt lợi ích riêng lên trên sự hầu việc Ngài sao? Há chẳng phải họ đã yêu mến những điều thuộc về thế gian sao? Hãy

nhìn những tội lỗi đã ghi dấu trên đời sống họ. Kia sự ích kỷ của họ, ác ý của họ, sự thù ghét lẫn nhau của họ. Chẳng lẽ Đức Chúa Trời đuổi ta và các thiên sứ của ta khỏi sự hiện diện Ngài, mà lại ban thương cho những kẻ đã mắc cùng những tội như thế sao? Lạy Chúa, theo lẽ công bình, Ngài không thể làm như thế. Công bình đòi hỏi phải tuyên án đối với họ.'

"Nhưng tuy những người theo Đấng Christ đã phạm tội, họ không phó mặc mình để bị các thế lực của Sa-tan chi phối. Họ đã ăn năn về tội lỗi của mình và tìm cầu Chúa trong khiêm nhường và thống hối, và Đấng Biện Hộ thiêng liêng biện hộ cho họ. Đấng bị sự vô ơn của họ xúc phạm nhiều nhất, Đấng biết tội lỗi của họ và cũng biết sự ăn năn của họ, phán rằng: 'Chúa quả trách người, hỡi Sa-tan. Ta đã phó mạng sống Ta vì những linh hồn này. Chúng được khắc ghi trên lòng bàn tay Ta. Họ có thể có những khiếm khuyết về tính cách; họ có thể đã thất bại trong những nỗ lực của mình; nhưng họ đã ăn năn, và Ta đã tha thứ và tiếp nhận họ.'"

Những cuộc tấn công của Sa-tan thì mạnh mẽ, những sự lừa dối của hắn thì tinh vi; nhưng mắt của Chúa vẫn dõi theo dân Ngài. Hoạn nạn của họ thật lớn, ngọn lửa trong lò dường như sắp thiêu rụi họ; nhưng Chúa Giê-su sẽ đưa họ ra như vàng đã được thử trong lửa. Tính trần tục của họ sẽ được cất bỏ, để qua họ hình ảnh của Đấng Christ được bày tỏ cách trọn vẹn.

Đôi khi Chúa dường như quên những hiểm nguy đe dọa Hội Thánh của Ngài và những tổn hại do kẻ thù gây ra cho Hội Thánh. Nhưng Đức Chúa Trời không hề quên. Không có gì trên thế gian này thân yêu đối với lòng Đức Chúa Trời bằng Hội Thánh của Ngài. Ngài không muốn để đường lối thế gian làm hoen ố danh tiếng của Hội Thánh. Ngài không bỏ mặc dân Ngài để bị các cám dỗ của Sa-tan đánh bại. Ngài sẽ trừng phạt những kẻ xuyên tạc Ngài, nhưng Ngài sẽ tỏ lòng nhân từ với mọi người thật lòng ăn năn. Với những ai kêu cầu Ngài xin sức mạnh để phát triển phẩm cách Cơ Đốc, Ngài sẽ ban mọi sự trợ giúp cần thiết.

Trong thời kỳ cuối cùng, dân của Đức Chúa Trời sẽ thở than và khóc lóc vì những sự góม ghiếc đã làm trong xứ. Trong nước mắt, họ sẽ cảnh báo kẻ ác về mối hiểm nguy khi chà đạp luật pháp thiêng liêng, và với nỗi buồn khôn tả họ sẽ hạ mình trước Chúa trong sự ăn năn. Kẻ ác sẽ nhạo cười nỗi buồn của họ và chế giễu những lời kêu gọi trang nghiêm của họ. Nhưng nỗi thống khổ và sự hạ mình của dân của Đức Chúa Trời là bằng chứng không thể lầm lẫn rằng họ đang lấy lại sức mạnh và phẩm cách cao quý đã mất do hậu quả của tội lỗi. Chính vì họ đang đến gần Đấng Christ hơn, vì mắt họ chăm chú vào sự tinh sạch trọn vẹn của Ngài, nên họ mới nhận ra rõ ràng tính chất cực kỳ tội lỗi của tội lỗi. Hiền lành và khiêm nhường là điều kiện của thành công và chiến thắng. Một mǎo triều thiên vinh hiển đang chờ những ai cúi mình dưới chân thập tự giá.

Những người trung tín, chuyên cầu nguyện của Đức Chúa Trời, như thế, được bao bọc trong Ngài. Chính họ cũng không biết mình được che chở vững chắc đến mức nào. Bị Sa-tan xúi giục, các bậc cầm quyền của thế gian này đang mưu toan tiêu diệt họ; nhưng nếu mắt của con cái Đức Chúa Trời được mở ra như mắt của đầy tớ Ê-li-sê tại Đô-than, họ sẽ thấy các thiên sứ của Đức Chúa Trời đóng trại chung quanh mình, kiểm chế các đạo binh của bóng tối.

Khi dân Đức Chúa Trời hãm mình trước mặt Ngài, nài xin sự thanh sạch của tâm lòng, thì có lệnh phán: "Hãy cất bỏ áo dơ bẩn," và lời khích lệ được phán: "Kia, Ta đã cất sự gian ác khỏi người, và Ta sẽ mặc cho người y phục mới." Xa-cha-ri 3:4. Chiếc áo choàng tinh sạch của sự

công chính của Đấng Christ được khoác trên những con cái Đức Chúa Trời đã chịu thử thách, bị cám dỗ mà vẫn trung tín. Số dân sót bị khinh bỉ được mặc y phục vinh hiển, chẳng còn bao giờ bị ô ố bởi sự bại hoại của thế gian nữa. Tên họ được giữ lại trong Sách Sự Sống của Chiên Con, được ghi vào hàng ngũ những người trung tín của mọi thời đại. Họ đã kháng cự mưu chước của kẻ lừa dối; tiếng rống của con rồng cũng không khiến họ rời bỏ lòng trung thành. Giờ đây họ vĩnh viễn được an toàn khỏi mọi mưu kế của kẻ cám dỗ. Tội lỗi họ được chuyển cho tác giả của tội lỗi. Một “mào đẹp” được đặt trên đầu họ.

Trong khi Sa-tan đang ráo riết đưa ra những lời cáo buộc, các thiên sứ thánh, vô hình, đã qua lại, đặt ấn của Đức Chúa Trời hằng sống trên những người trung tín. Ấy là những người đứng trên Núi Si-ôn với Chiên Con, có tên của Cha được ghi trên trán họ. Họ hát bài ca mới trước ngai, bài ca mà chẳng ai có thể học được, ngoại trừ một trăm bốn mươi bốn nghìn người đã được chuộc khỏi đất. “Đó là những người theo Chiên Con bất cứ nơi nào Ngài đi. Họ đã được chuộc từ giữa loài người, làm trái đầu mùa dâng cho Đức Chúa Trời và cho Chiên Con. Miệng họ chẳng thấy có điều gian dối nào, vì họ không tì vết trước ngai Đức Chúa Trời.” Khải Huyền 14:4-5.

Giờ đây lời của Thiên sứ đã được ứng nghiệm trọn vẹn: “Bây giờ hãy nghe, hỡi Giô-suê, thầy tế lễ cả, ngươi và các đồng bạn ngồi trước mặt ngươi; vì họ là những người được làm dầu lạ; vì, kia, Ta sẽ làm xuất hiện Đầy tớ Ta là Chôi.” Xa-cha-ri 3:8. Đấng Christ được tỏ ra là Đấng Cứu Chuộc và Đấng Giải Cứu của dân Ngài. Giờ đây thật vậy, những người còn sót lại là “những người được làm dầu lạ,” khi nước mắt và sự hạ mình trong cuộc lữ hành của họ nhường chỗ cho niềm vui và vinh dự trước mặt Đức Chúa Trời và Chiên Con. “Trong ngày đó, Chôi của Đức Giê-hô-va sẽ đẹp đẽ và vinh hiển, và bông trái của đất sẽ là tuyệt hảo và xinh tốt cho những người thoát nạn của Y-sơ-ra-ên. Và sẽ xảy ra rằng kẻ nào còn sót lại ở Si-ôn, và kẻ nào còn ở lại tại Giê-ru-sa-lem, sẽ được gọi là thánh, tức là hết thảy những người được ghi tên trong số những người sống tại Giê-ru-sa-lem.” Ê-sai 4:2, 3. Tiên tri và Các Vua, trang 587-592.